

Số: 603 /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thông qua Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính năm 2017, lĩnh vực: Quy hoạch-Kiến trúc; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giáo dục và Đào tạo; Khoa học và Công nghệ; Y tế; Ban quản lý các khu công nghiệp và Chế xuất; Lao động-Thương binh và Xã hội thuộc phạm vi quản lý nhà nước của thành phố Hà Nội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Thực hiện Quyết định số 7196/QĐ-UBND ngày 28/12/2016 của Chủ tịch UBND Thành phố về việc phê duyệt Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2017 trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 2912/TTr-STP ngày 08 tháng 12 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua Phương án đơn giản hóa năm 2017 đối với 61 thủ tục hành chính, bao gồm: 03 thủ tục hành chính lĩnh vực Quy hoạch-Kiến trúc, 03 thủ tục hành chính lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 11 thủ tục hành chính lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo, 10 thủ tục hành chính lĩnh vực Khoa học và Công nghệ, 04 thủ tục hành chính lĩnh vực Y tế, 18 thủ tục hành chính lĩnh vực thuộc Ban quản lý các khu công nghiệp và Chế xuất, 12 thủ tục hành chính lĩnh vực Lao động-Thương binh và Xã hội thuộc phạm vi quản lý nhà nước của thành phố Hà Nội (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao các Sở, Ban, ngành: Quy hoạch-Kiến trúc; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giáo dục và Đào tạo; Khoa học và Công nghệ; Y tế; Ban quản lý các khu công nghiệp và Chế xuất; Lao động-Thương binh và Xã hội trong phạm vi quản lý nhà nước được giao, chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan:

1. Dự thảo Quyết định công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung theo nội dung phương án đơn giản hóa đã được phê duyệt tại Điều 1 quyết định này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;

2. Dự thảo văn bản kiến nghị cơ quan cấp trên có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung quy định thủ tục hành chính trong văn bản quy phạm pháp luật theo nội dung phương án đơn giản hóa.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc các Sở, Ban, ngành, đơn vị có liên quan thực hiện Quyết định này.

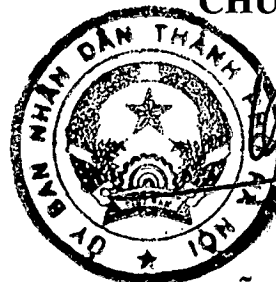
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Thường trực: Thành ủy, HĐND TP;
- Chủ tịch UBND TP;
- Các PCT UBND TP;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH Thành phố;
- Văn phòng HĐND Thành phố;
- Các Sở, Ban, ngành; UBND quận, huyện, thị xã;
- VPUBTP: CVP, PVP Phạm Chí Công;
- NC, TKBT, TH, KT, KG-VX, KSTTHC;
- Công thông tin điện tử Thành phố;
- Website, Công báo;
- Các Báo: Hà Nội mới, KT&ĐT, Công GTĐT;
- Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội;
- Lưu: VT, KSTTHC_(Đãng).

Đề báo cáo



CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Chung

54897 (136)

Phụ lục

PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NĂM 2017 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

**Lĩnh vực Quy hoạch-Kiến trúc; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
Giáo dục và Đào tạo; Khoa học và Công nghệ; Y tế; Ban quản lý các
khu công nghiệp và Chế xuất; Lao động-Thương binh và Xã hội**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số .603/QĐ-UBND, ngày 01 tháng 02 năm 2018
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố.)*

Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 7196/QĐ-UBND ngày 28/12/2016 của Chủ tịch UBND Thành phố về việc phê duyệt Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2017 trên địa bàn Thành phố. Theo đó, tổng số có 261 thủ tục được đưa vào rà soát, đánh giá bao gồm:

- Nhóm thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực Quy hoạch-Kiến trúc thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Quy hoạch - Kiến trúc có 04 thủ tục hành chính được rà soát, đánh giá;

- Nhóm các thủ tục hành chính trong lĩnh vực Chăn nuôi; Trồng trọt; Thủy lợi; Đề điều thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có 18 thủ tục hành chính được rà soát, đánh giá;

- Nhóm thủ tục hành chính lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo có 34 thủ tục hành chính rà soát, đánh giá;

- Nhóm thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Khoa học và Công nghệ được rà soát, đánh giá có 53 thủ tục hành chính;

- Nhóm thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực An toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế được rà soát, đánh giá có 21 thủ tục hành chính;

- Nhóm thủ tục, quy định hành chính có liên quan lĩnh vực Ban quản lý các khu công nghiệp và Chế xuất có 73 thủ tục hành chính thực hiện rà soát, đánh giá;

- Nhóm thủ tục, quy định hành chính có liên quan lĩnh vực Bảo trợ xã hội; Chính sách người có công và các thủ tục hành chính liên thông (liên thông giữa các cấp chính quyền và các đơn vị liên quan) thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội có 58 thủ tục được rà soát, đánh giá.

Qua rà soát, đánh giá kết quả có 61 thủ tục hành chính được đơn giản hóa, đạt tỷ lệ trên 23,3%. Cụ thể như sau:

I. Lĩnh vực Quy hoạch-Kiến trúc: Nhóm thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực Quy hoạch-Kiến trúc được rà soát, đánh giá có 04 thủ tục hành



chính. Đề xuất xuất phương án đơn giản hóa 03 thủ tục hành chính, chiếm tỷ lệ 75% tổng số thủ tục hành chính được rà soát. Cụ thể như sau:

1. Thủ tục Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh.

a) Nội dung đơn giản hóa

- Thời hạn giải quyết: giảm từ 30 ngày xuống còn 25 ngày. Lý do: Xét thấy có thể thực hiện được.

- Bỏ nội dung yêu cầu văn bản pháp lý có liên quan phải có chứng thực.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Quyết định số 835/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được chuẩn hóa; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực Quy hoạch-Kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 172.675.000.000đ/200 hồ sơ

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 172.450.000.000đ/200 hồ sơ

- Chi phí tiết kiệm sau khi đơn giản hóa thủ tục hành chính: 225.325.200đ/200 hồ sơ

2. Cấp giấy phép quy hoạch dự án đầu tư xây dựng công trình.

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Bỏ nội dung yêu cầu văn bản pháp lý có liên quan phải có chứng thực.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Quyết định số 835/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được chuẩn hóa; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực Quy hoạch-Kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 114.670.000.000đ/200 hồ sơ

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 114.424.000.000đ/200 hồ sơ

- Chi phí tiết kiệm sau khi đơn giản hóa thủ tục hành chính: 245.826.000đ/200 hồ sơ

3. Chấp thuận bản vẽ Tổng mặt bằng và Phương án kiến trúc.

a) Nội dung đơn giản hóa

Thời hạn giải quyết: giảm từ 25 ngày xuống còn 20 ngày (giảm xuống 15 ngày đối với dự án, công trình đã được cấp Giấy phép quy hoạch)

- Bỏ nội dung yêu cầu văn bản pháp lý có liên quan phải có chứng thực.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Quyết định số 835/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được chuẩn hóa; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực Quy hoạch-Kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 52.246.000.000đ/200 hồ sơ

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 52.039.000.000đ/200 hồ sơ

- Chi phí tiết kiệm sau khi đơn giản hóa thủ tục hành chính: 207.000.000đ/200 hồ sơ

II. Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Nhóm các thủ tục hành chính trong lĩnh vực Chăn nuôi; Trồng trọt; Thủy lợi; Đề điều thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có 18 thủ tục hành chính được rà soát, đánh giá. Qua đó, đề xuất phương án đơn giản hóa 03 thủ tục hành chính, chiếm tỷ lệ 16,6% trên tổng số thủ tục hành chính được rà soát. Cụ thể như sau:

1. Lĩnh vực Chăn nuôi.

Trong lĩnh vực Chăn nuôi có 4 thủ tục hành chính:

- Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với thức ăn chăn nuôi; giống vật nuôi (bao gồm phôi, tinh, con giống vật nuôi); môi trường pha chế, bảo quản tinh, phôi động vật, vật tư, hóa chất chuyên dùng trong chăn nuôi.

- Cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với thức ăn chăn nuôi; giống vật nuôi (bao gồm phôi, tinh, con giống vật nuôi); môi trường pha chế, bảo quản tinh, phôi động vật, vật tư, hóa chất chuyên dùng trong chăn nuôi.

- Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thức ăn chăn nuôi.

- Tiếp nhận Công bố hợp quy thức ăn chăn nuôi.

Tổng số thủ tục hành chính rà soát, đánh giá 4 thủ tục, đề nghị đơn giản hóa 01 thủ tục: Tiếp nhận Công bố hợp quy thức ăn chăn nuôi.

a) Nội dung đơn giản hóa:



Giảm thời gian thực hiện: 07 ngày làm việc tính từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; sau khi rà soát, đánh giá đề xuất giảm thời gian thực hiện còn 05 ngày làm việc.

Lý do: nhanh chóng và thuận lợi cho người dân, thuận lợi cho sản xuất kinh doanh.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi điểm 2, điều 24 Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2012 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn Hướng dẫn thủ tục chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa.

Giảm chi phí tuân thủ đối với trường hợp cấp giấy Tiếp nhận Công bố hợp quy thức ăn chăn nuôi: 190.000.000 đồng/năm (cấp 38 giấy/năm), giảm 20% chi phí.

2.Lĩnh vực Trồng trọt.

Trong lĩnh vực trồng trọt có 5 thủ tục hành chính:

- Công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm.
- Công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm.
- Cấp lại giấy Công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm.
- Tiếp nhận Công bố hợp quy giống cây trồng.
- Tiếp nhận Công bố hợp quy phân bón.

Tổng số thủ tục hành chính rà soát 5, đề nghị đơn giản hóa 02 thủ tục:

- Tiếp nhận Công bố hợp quy giống cây trồng.
- Tiếp nhận Công bố hợp quy phân bón.

2.1.Thủ tục: Tiếp nhận Công bố hợp quy giống cây trồng

a) Nội dung đơn giản hóa:

Giảm thời gian thực hiện: 07 ngày làm việc tính từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; sau khi rà soát, đánh giá đề xuất giảm thời gian thực hiện còn 05 ngày làm việc.

Giảm thành phần hồ sơ: Bản sao GCN đăng ký kinh doanh hoặc GCN đầu tư hoặc quyết định thành lập DN chỉ nộp lần đầu.

Lý do: nhanh chóng và thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho người dân, thuận lợi cho sản xuất kinh doanh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Đề nghị sửa đổi điểm b, điều 16, Thông tư số 46/2015/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy giống cây trồng.

- Đề nghị sửa đổi điểm 2, điều 24 Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2012 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn Hướng dẫn thủ tục chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa.

Giảm chi phí tuân thủ đối với trường hợp cấp giấy Tiếp nhận Công bố hợp quy giống cây trồng: 130.000.000 đồng/năm (cấp 25 giấy/năm), giảm 21% chi phí.

2.2.Thủ tục: Tiếp nhận Công bố hợp quy phân bón.

a) Nội dung đơn giản hóa:

Giảm thời gian thực hiện: 07 ngày làm việc tính từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; sau khi rà soát, đánh giá đề xuất giảm thời gian thực hiện còn 05 ngày làm việc.

Lý do: Nhanh chóng và thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho người dân, thuận lợi cho sản xuất kinh doanh.

b) Kiến nghị thực thi:

- Đề nghị sửa đổi điểm 2, điều 24 Thông tư số 55/2012/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2012 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn Hướng dẫn thủ tục chỉ định tổ chức chứng nhận hợp quy và công bố hợp quy thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa.

Giảm chi phí tuân thủ đối với trường hợp cấp giấy Tiếp nhận Công bố hợp quy phân bón: 75.000.000 đồng/năm (cấp 15 giấy/năm), giảm 20% chi phí.

3. Lĩnh vực Thủy lợi.

Trong lĩnh vực thủy lợi có 5 thủ tục hành chính:

- Thẩm định hồ sơ cấp phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

- Thẩm định hồ sơ gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.

- Thẩm định hồ sơ cấp phép cho việc khai thác các hoạt động du lịch, thể thao có mục đích kinh doanh; hoạt động nghiên cứu khoa học làm ảnh hưởng đến vận hành, an toàn công trình và các hoạt động kinh doanh dịch vụ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi.



- Thẩm định hồ sơ cấp phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi
- Thẩm định hồ sơ gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi.

Tổng số thủ tục hành chính rà soát 5 thủ tục, đề nghị bãi bỏ 02 thủ tục, bao gồm:

- Thẩm định hồ sơ cấp phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi.
- Thẩm định hồ sơ gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi.

III. Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo

Nhóm thủ tục hành chính về Giáo dục và Đào tạo trên địa bàn thành phố Hà Nội bao gồm 34 thủ tục hành chính, qua rà soát, đánh giá, lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo đề xuất phương án đơn giản hóa 11 thủ tục hành chính, chiếm tỷ lệ 32,3% tổng số thủ tục hành chính được rà soát. Cụ thể như sau:

1. Thủ tục: Thành lập, cho phép thành lập trường trung học phổ thông.

a) Nội dung đơn giản hóa thủ tục:

- Thời gian thực hiện: Giảm 02 ngày so với quy định tại Thông tư 12/2011/TT-BGD&ĐT, ngày 28 tháng 3 năm 2011 của Bộ GD&ĐT.
- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành là 20 ngày, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 02 ngày;

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 11 Thông tư 12/2011/TT-BGD&ĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 của Bộ GD&ĐT.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2 ngày công (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả). $02 \text{ ngày} \times 250.000 \text{ đ} = 500.000 \text{ đ}$
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 01 ngày công 250.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 250.000 đồng (01 lượt tuân thủ).
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%

Chi phí tiết kiệm năm: 05 hồ sơ x 250.000 đ = 1.250.000đ

2. Thủ tục: Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông.

a) Nội dung đơn giản hóa thủ tục:

- Thời gian thực hiện: Giảm 02 ngày so với quy định tại Thông tư 12/2011/TT-BGD&ĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 của Bộ GD&ĐT.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành là 20 ngày, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 02 ngày;

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 3 Điều 11 Thông tư 12/2011/TT-BGD&ĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 của Bộ GD&ĐT.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2 ngày công (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả). 02 ngày x 250.000 đ = 500.000đ

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 01 ngày công 250.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 250.000 đồng (01 lượt tuân thủ).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%

Chi phí tiết kiệm năm: 05 hồ sơ x 250.000 đ = 1.250.000đ

3. Cho phép thành lập trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học (trong đó có cấp học trung học phổ thông) có vốn đầu tư nước ngoài.

a) Nội dung đơn giản hóa thủ tục:

- Thời gian thực hiện: Giảm 02 ngày so với quy định tại Thông tư 12/2011/TT-BGD&ĐT của Bộ GD&ĐT.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành là 30 ngày, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 02 ngày;

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản a điểm 4 Điều 5 Nghị định 73 của Chính phủ;

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2 ngày công (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả). 02 ngày x 250.000 đ = 500.000đ

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 01 ngày công 250.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 250.000 đồng (01 lượt tuân thủ).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%

Chi phí tiết kiệm năm: 07 hồ sơ x 250.000 đ = 1.750.000đ

4.Thủ tục: Chia tách, sáp nhập, hợp nhất trường phổ thông có nhiều cấp học (trong đó có cấp học trung học phổ thông) có vốn đầu tư nước ngoài)

a) Nội dung đơn giản hóa thủ tục:



- Thời gian thực hiện: Giảm 07 ngày so với quy định tại Nghị định 73/2012/NĐ-CP ngày 26/9/2012 của Chính phủ;

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành là 30 ngày, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 07 ngày;

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Nghị định 73/2012/NĐ-CP ngày 26/9/2012 của Chính phủ;

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 04 lượt tuân thủ (nộp hồ sơ, Thẩm định của cấp có thẩm quyền, chỉnh sửa sau thẩm định, báo cáo sau thẩm định).

$04 \text{ lượt} \times 250.000 \text{ đ} = 1.000.000.000 \text{ đ}$

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 01 ngày công 250.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 750.000 đồng (03 lượt tuân thủ).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 75%

Chi phí tiết kiệm năm: 10 hồ sơ x 250.000 đ = 2.500.000đ

5. Giải thể trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học (trong đó có cấp học trung học phổ thông) có vốn đầu tư nước ngoài.

a) Nội dung đơn giản hóa thủ tục:

- Thời gian thực hiện: Giảm 02 ngày so với quy định tại Nghị định 73/2012/NĐ-CP ngày 26/9/2012 của Chính phủ;

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành là 10 ngày, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 02 ngày;

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Nghị định 73/2012/NĐ-CP ngày 26/9/2012 của Chính phủ;

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2 ngày công (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả). $02 \text{ ngày} \times 250.000 \text{ đ} = 500.000 \text{ đ}$

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 01 ngày công 250.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 250.000 đồng (01 lượt tuân thủ).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%

Chi phí tiết kiệm năm: 07 hồ sơ x 250.000 đ = 1.750.000đ

6.Thủ tục: Thành lập Trung tâm ngoại ngữ - tin học và Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài

a) Nội dung đơn giản hóa thủ tục:

- Thời gian thực hiện: Giảm 02 ngày so với quy định tại Nghị định 73/2012/NĐ-CP ngày 26/9/2012 của Chính phủ;

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành là 30 ngày, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 02 ngày;

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Nghị định 73/2012/NĐ-CP ngày 26/9/2012 của Chính phủ;

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 02 ngày công (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả). 02 ngày x 250.000 đ = 500.000đ

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 01 ngày công 250.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 250.000 đồng (01 lượt tuân thủ).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%

Chi phí tiết kiệm năm: 21 hồ sơ x 250.000 đ = 5.250.000đ

7.Thủ tục: Chia tách, sáp nhập, hợp nhất Trung tâm ngoại ngữ - tin học và Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài.

a) Nội dung đơn giản hóa thủ tục:

- Thời gian thực hiện: Giảm 07 ngày so với quy định tại Nghị định 73/2012/NĐ-CP ngày 26/9/2012 của Chính phủ;

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành là 30 ngày, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 07 ngày;

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Nghị định 73/2012/NĐ-CP ngày 26/9/2012 của Chính phủ;

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 04 lượt tuân thủ (nộp hồ sơ, Thẩm định của cấp có thẩm quyền, chỉnh sửa sau thẩm định, báo cáo sau thẩm định).

04 lượt x 250.000 đ = 1.000.00.000đ

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 01 ngày công 250.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 750.000 đồng (03 lượt tuân thủ).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 75%

Chi phí tiết kiệm năm: 10 hồ sơ x 250.000 đ = 2.500.000đ

8.Thủ tục: Giải thể Trung tâm ngoại ngữ - tin học có vốn đầu tư nước ngoài.

a) Nội dung đơn giản hóa thủ tục:

- Thời gian thực hiện: Giảm 02 ngày so với quy định tại Nghị định 73/2012/NĐ-CP ngày 26/9/2012 của Chính phủ;

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành là 10 ngày, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 02 ngày;

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Nghị định 73/2012/NĐ-CP ngày 26/9/2012 của Chính phủ;

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2 ngày công (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả). 02 ngày x 250.000 đ = 500.000đ

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 01 ngày công 250.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 250.000 đồng (01 lượt tuân thủ).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%

Chi phí tiết kiệm năm: 07 hồ sơ x 250.000 đ = 1.750.000đ

9.Thủ tục: Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông.

a) Nội dung đơn giản hóa thủ tục:

- Thời gian thực hiện: Không quá 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành là 03 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được;

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Quyết định 51/2002/QĐ-BGD&ĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2 ngày công (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả). 02 ngày x 250.000 đ = 500.000đ

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 01 ngày công 250.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 250.000 đồng (01 lượt tuân thủ).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%

Chi phí tiết kiệm năm:

Ngoại tỉnh (đi và đến): 630 hồ sơ x 250.000 đ = 157.500.000đ

Trong tỉnh: (đi và đến): 1000 hồ sơ x 250.000đ = 250.000.000đ

10.Thủ tục: Cấp giấy chứng nhận hoạt động dạy thêm, học thêm ngoài nhà trường.

a) Nội dung đơn giản hóa thủ tục:

- Thời gian thực hiện: Giảm 03 ngày so với quy định tại Thông tư số 17/2012/TT-BGD&ĐT;

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành là 15 ngày, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 03 ngày;

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 3 Điều 13 Thông tư số 17/2012/TT-BGD&ĐT;

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2 ngày công (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả). 02 ngày x 250.000 đ = 500.000đ

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 01 ngày công: 250.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 250.000 đồng (01 lượt tuân thủ).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%

11.Thủ tục: Cấp giấy chứng nhận hoạt động, gia hạn hoạt động, xác nhận đăng ký hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.

a) Nội dung đơn giản hóa thủ tục:

- Thời gian thực hiện: Giảm 05 ngày so với quy định tại Thông tư số 04/2014/TT-BGD&ĐT;

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành là 15 ngày, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 05 ngày;

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 7 Thông tư số 04/2014/TT-BGD&ĐT;

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2 ngày công (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả). 02 ngày x 250.000 đ = 500.000đ

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 01 ngày công: 250.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 250.000 đồng (01 lượt tuân thủ).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%

Chi phí tiết kiệm năm: 30 hồ sơ x 250.000 đ = 7.500.000đ

IV. Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ

Nhóm thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Khoa học và Công nghệ được rà soát, đánh giá có 53 thủ tục hành chính. Đề xuất phương án đơn giản hóa 10 thủ tục hành chính, chiếm tỷ lệ 18,8% tổng số thủ tục hành chính được rà soát, đánh giá. Nội dung cụ thể như sau:

Lĩnh vực Tiêu chuẩn – Đo lường – Chất lượng: gồm 14 thủ tục hành chính đã được công bố chuẩn hóa được rà soát đánh giá và xây dựng Phương án đơn giản hóa, giảm thời gian thụ lý giải quyết đối với 04 thủ tục gồm:

1. Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian thực hiện TTHC từ 05 (năm) ngày làm việc xuống 04 (bốn) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ công bố hợp chuẩn đầy đủ theo quy định

- Lý do: Do tổ chức lại cơ cấu tổ chức, bổ sung thêm công chức thực hiện tiếp nhận thụ lý hồ sơ nên có thể rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính.

1.2. Nội dung sửa đổi: Bổ sung các nội dung vào biểu mẫu công bố hợp chuẩn theo quy định tại Phụ lục III Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN (Mẫu 2.CBHC/HQ) như sau:

“-Loại hình đánh giá:

+ Tổ chức chứng nhận đánh giá (bên thứ ba): Tên tổ chức chứng nhận /tổ chức chứng nhận được chỉ định, số giấy chứng nhận, ngày cấp giấy chứng nhận.”

- Lý do: Yêu cầu trên được quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

1.3. Kiến nghị thực thi: Ủy ban nhân dân Thành phố ra quyết định ban hành TTHC sửa đổi với nội dung thời hạn giải quyết đối với hồ sơ công bố hợp chuẩn đầy đủ theo quy định là 04 (bốn) ngày làm việc.

1.4. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí thực hiện TTHC hiện tại: 8.184.224,25 đồng/năm.

- Chi phí thực hiện TTHC sau đơn giản hóa: 8.184.224,25 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm khi rút ngắn thời gian: 1.636.844,85 đồng/năm.

2. Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh

2.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian thực hiện TTHC từ 05 (năm) ngày làm việc xuống 04 (bốn) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ công bố hợp chuẩn đầy đủ theo quy định

- Lý do: Do tổ chức lại cơ cấu tổ chức, bổ sung thêm công chức thực hiện tiếp nhận thụ lý hồ sơ nên có thể rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính.

2.2 Nội dung sửa đổi: Bổ sung các nội dung vào biểu mẫu công bố hợp chuẩn theo quy định tại Phụ lục III Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN (Mẫu 2.CBHC/HQ) như sau:

“-Loại hình đánh giá:

+ Tự đánh giá (bên thứ nhất): Ngày lãnh đạo tổ chức, cá nhân ký xác nhận Báo cáo tự đánh giá.”

- Lý do: Yêu cầu trên được quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

2.3. Kiến nghị thực thi: Ủy ban nhân dân Thành phố ra quyết định ban hành TTHC sửa đổi với nội dung thời hạn giải quyết đối với hồ sơ công bố hợp chuẩn đầy đủ theo quy định là 04 (bốn) ngày làm việc.

2.4. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí thực hiện TTHC hiện tại: 19.920.792,6 đồng/năm.

- Chi phí thực hiện TTHC sau đơn giản hóa: 19.920.792,6 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm khi rút ngắn thời gian: 3.984.158,52 đồng/năm.

3. Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận

3.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian thực hiện TTHC từ 05 (năm) ngày làm việc xuống 04 (bốn) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ công bố hợp quy đầy đủ theo quy định.

Lý do: Do tổ chức lại cơ cấu tổ chức, bổ sung thêm công chức thực hiện tiếp nhận thụ lý hồ sơ nên có thể rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính.

- Giảm thành phần hồ sơ: Bỏ Bản sao y bản chính giấy tờ chứng minh về việc thực hiện sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân công bố hợp quy (Giấy đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập hoặc Giấy tờ khác theo quy định của pháp luật).

Lý do: Theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, hồ sơ công bố hợp quy trong trường hợp này chỉ còn 02 thành phần.

3.2. Nội dung sửa đổi:

- Bổ sung các nội dung vào biểu mẫu công bố hợp quy theo quy định tại Phụ lục III Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN (Mẫu 2.CBHC/HQ) như sau:

“-Loại hình đánh giá:

+ Tổ chức chứng nhận đánh giá (bên thứ ba): Tên tổ chức chứng nhận /tổ chức chứng nhận được chỉ định, số giấy chứng nhận, ngày cấp giấy chứng nhận.”

Lý do: Yêu cầu trên được quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

3.3. Kiến nghị thực thi: Ủy ban nhân dân Thành phố ra quyết định ban hành TTHC sửa đổi với nội dung thời hạn giải quyết đối với hồ sơ công bố hợp quy đầy đủ theo quy định là 04 (bốn) ngày làm việc.

3.4. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí thực hiện TTHC hiện tại: 14.849.868,6 đồng/năm.
- Chi phí thực hiện TTHC sau đơn giản hóa: 14.097.188,7 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm khi đơn giản hóa thành phần hồ sơ: 752.679,9 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm khi rút ngắn thời gian: 2.969.973,72 đồng/năm.
- Tổng chi phí tiết kiệm được: 3.722.653,62 đồng/năm.

4. Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh

4.1. Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian thực hiện TTHC từ 05 (năm) ngày làm việc xuống 04 (bốn) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ công bố hợp quy đầy đủ theo quy định

Lý do: Do tổ chức lại cơ cấu tổ chức, bổ sung thêm công chức thực hiện tiếp nhận thụ lý hồ sơ nên có thể rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính.

- Giảm thành phần hồ sơ:

+ Bổ Bản sao y bản chính giấy tờ chứng minh về việc thực hiện sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân công bố hợp quy (Giấy đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký kinh doanh hoặc đăng ký hộ kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập hoặc Giấy tờ khác theo quy định của pháp luật).

+ Bổ Bản sao y bản chính Phiếu kết quả thử nghiệm mẫu trong vòng 12 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ đăng ký công bố hợp quy.

+ Bổ Bản sao y bản chính giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn về hệ thống quản lý còn hiệu lực.

+ Bổ quy trình sản xuất kèm theo kế hoạch kiểm soát chất lượng và kế hoạch giám sát hệ thống quản lý.

Lý do: Theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, hồ sơ công bố hợp quy trong trường hợp này chỉ còn 02 thành phần.

4.2. Nội dung sửa đổi:

- Bổ sung các nội dung vào biểu mẫu công bố hợp quy theo quy định tại Phụ lục III Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN (Mẫu 2.CBHC/HQ) như sau:

“-Loại hình đánh giá:

+ Tự đánh giá (bên thứ nhất): Ngày lãnh đạo tổ chức, cá nhân ký xác nhận Báo cáo tự đánh giá.”

Lý do: Yêu cầu trên được quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Thay thế mẫu Báo cáo đánh giá hợp quy ban hành kèm theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 bằng mẫu mới có các thông tin sau:

+ Tên tổ chức, cá nhân; địa chỉ; điện thoại, fax;

+ Tên sản phẩm, hàng hóa;

+ Số hiệu quy chuẩn kỹ thuật;

+ Kết luận sản phẩm, hàng hóa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật;

+ Cam kết chất lượng sản phẩm, hàng hóa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa và kết quả tự đánh giá.

Báo cáo tự đánh giá dựa trên kết quả tự thực hiện của tổ chức, cá nhân hoặc dựa trên kết quả đánh giá của tổ chức đánh giá sự phù hợp đã đăng ký.

Lý do: Theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/3/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

4.3. Kiến nghị thực thi: Ủy ban nhân dân Thành phố ra quyết định ban hành TTHC sửa đổi với nội dung thời hạn giải quyết đối với hồ sơ công bố hợp quy đầy đủ theo quy định là 04 (bốn) ngày làm việc.

4.4. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí thực hiện TTHC hiện tại: 19.161.502,65 đồng/năm.
- Chi phí thực hiện TTHC sau đơn giản hóa: 9.449.874 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm khi đơn giản hóa thành phần hồ sơ: 9.711.628,65 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm khi rút ngắn thời gian: 3.832.300,53 đồng/năm.
- Tổng chi phí tiết kiệm được: 13.543.929,18 đồng/năm.

Lĩnh vực an toàn bức xạ và hạt nhân: gồm 07 thủ tục hành chính, đã được công bố chuẩn hóa được rà soát đánh giá và xây dựng Phương án đơn giản hóa, giảm thời gian thụ lý giải quyết đối với 04 thủ tục gồm:

1. Thủ tục cấp và cấp lại chứng chỉ nhân viên bức xạ

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm số lượng ảnh phải nộp từ 03 ảnh (3x4) thành 02 ảnh (3x4).

- Lý do: Chỉ cần 02 ảnh (3x4) để dán vào bản lưu và bản gửi cá nhân, tổ chức xin cấp chứng chỉ.

1.2 . Kiến nghị thực thi: Sửa khoản 5, điều 22 Thông tư số 08/2010/TT-BKCN ngày 22/7/2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 175.214.651,5 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 174.777.151,5 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 437.500 đồng/năm.

2. Thủ tục duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân cấp cơ sở

1.1. Nội dung đơn giản hóa: Giảm số lượng ngày giải quyết thủ tục hành chính từ 10 ngày thành 9 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ .

- Lý do: Giảm thời gian xử lý hồ sơ và vẫn đảm bảo được thời gian xem xét, phê duyệt kế hoạch.

1.2 . Kiến nghị thực thi: Sửa khoản 1, điều 32 Thông tư số 25/2014/TT-

BKHCN ngày 08/10/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 236.916.880 đồng.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 223.730.960 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 13.185.920 đồng.

Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ

1. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ

1.1. Nội dung đơn giản hóa thủ tục:

- Thời gian thực hiện: Giảm 3 ngày so với quy định
- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành là 10 ngày. Cho đến nay, thủ tục này chưa có hồ sơ nào được gửi đến. Tuy nhiên, do có lưu bản sao và việc thẩm định hồ sơ đơn giản có thể rút ngắn thời gian xuống 7 ngày.

1.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi hoặc thay thế Nghị định số 80/2007/NĐ-CP và Nghị định số 96/2010/NĐ-CP về doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

1.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 18.459.685 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 13.514.965 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 4.944.720 đồng/năm

2. Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ

2.1. Nội dung đơn giản hóa thủ tục:

- Thời gian thực hiện: Giảm 3 ngày so với quy định trong trường hợp thay đổi thông tin (tên gọi, mã số doanh nghiệp, địa chỉ, điện thoại) kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành là 10 ngày. Cho đến nay, thủ tục này chưa có hồ sơ nào được gửi đến. Tuy nhiên, do có lưu bản sao và việc thẩm định hồ sơ đơn giản có thể rút ngắn thời gian xuống 7 ngày.

2.2. Kiến nghị thực thi: Sửa đổi hoặc thay thế Nghị định số 80/2007/NĐ-CP và Nghị định số 96/2010/NĐ-CP về doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

2.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 37.577.460 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 27.688.020 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 9.889.440 đồng/năm

3. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký Sàn giao dịch công nghệ vùng (STT 16-Mục IV).

3.1. Nội dung đơn giản hóa thủ tục:

- Cắt giảm bước: Lấy ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Lý do:

Sàn giao dịch công nghệ (GDCN) vùng là tổ chức khoa học và công nghệ công lập do UBND thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập trên cơ sở văn bản chấp thuận của Bộ Khoa học và Công nghệ. Như vậy, trước khi UBND Thành phố quyết định thành lập, hồ sơ đã được gửi đến Bộ Khoa học và Công nghệ để lấy ý kiến về đáp ứng điều kiện thành lập. Vì vậy, khi Sàn giao dịch công nghệ vùng đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ thì không cần lấy ý kiến nữa.

Sàn giao dịch công nghệ vùng là tổ chức khoa học và công nghệ nên thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ cho sàn GDCN không khác gì với thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức khoa học và công nghệ (Thủ tục STT 24), việc sinh ra một thủ tục cho sàn GDCN là không cần thiết.

3.2. Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ Thông tư số 16/2014/TT-BKHHCN ngày 13/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Trung tâm giao dịch công nghệ (STT 17-Mục IV).

4.1. Nội dung đơn giản hóa thủ tục:

- Cắt giảm bước: Lấy ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ đối với Trung tâm giao dịch công nghệ công lập.

- Lý do:

Giao dịch công nghệ không phải là hoạt động kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư nên không cần khâu thẩm định đáp ứng đủ điều kiện trước khi cấp đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

Trung tâm giao dịch công nghệ công lập do UBND thành phố trực thuộc Trung ương quyết định thành lập. Trước khi thành lập đã được Sở Nội vụ thẩm định. Vì vậy, việc lấy ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ là không cần thiết.

Hơn nữa, Trung tâm giao dịch công nghệ (GDCN) cũng là một loại hình tổ chức khoa học và công nghệ nên thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ cho trung tâm GDCN không khác gì với thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức khoa học và công nghệ (Thủ tục STT 24). Việc sinh ra một thủ tục cho trung tâm, GDCN là không cần thiết.

4.2. Kiến nghị thực thi: Kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ bãi bỏ Thông tư số 16/2014/TT-BKHHCN ngày 13/6/2014.

5. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Trung tâm xúc tiến và hỗ trợ hoạt động chuyển giao công nghệ (STT 18-Mục IV)

5.1. Nội dung đơn giản hóa thủ tục:

- Cắt giảm bước: Lấy ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Lý do:

Xúc tiến và hỗ trợ hoạt động chuyển giao công nghệ không phải là hoạt động kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư nên không cần có khâu thẩm định đáp ứng đủ điều kiện trước khi cấp đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

Hơn nữa, Trung tâm xúc tiến và hỗ trợ hoạt động chuyển giao công nghệ (GDCN) cũng là một loại hình tổ chức khoa học và công nghệ nên thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ cho trung tâm không khác gì với thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức khoa học và công nghệ (Thủ tục STT 24). Việc sinh ra một thủ tục cho trung tâm là không cần thiết.

5.2. Kiến nghị thực thi: Kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ bãi bỏ Thông tư số 16/2014/TT-BKHHCN ngày 13/6/2014.

6. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Trung tâm hỗ trợ định giá tài sản trí tuệ (STT 19-Mục IV)

6.1. Nội dung đơn giản hóa thủ tục:

- Cắt giảm bước: Lấy ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Lý do:

Hỗ trợ định giá tài sản trí tuệ không phải là hoạt động kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư nên không cần có khâu thẩm định đáp ứng đủ điều kiện trước khi cấp đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

Trung tâm hỗ trợ định giá tài sản trí tuệ cũng là một loại hình tổ chức khoa học và công nghệ nên thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ cho trung tâm không khác gì với thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức khoa học và công nghệ (Thủ tục STT 24). Việc sinh ra một thủ tục cho trung tâm là không cần thiết.

6.2. Kiến nghị thực thi: Kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ bãi bỏ Thông tư số 16/2014/TT-BKHHCN ngày 13/6/2014.

7. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Trung tâm hỗ trợ đổi mới sáng tạo (STT 20-Mục IV)

7.1. Nội dung đơn giản hóa thủ tục:

- Cắt giảm bước: Lấy ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Lý do:

Hỗ trợ đổi mới sáng tạo không phải là hoạt động kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư nên không cần có khâu thẩm định đáp ứng đủ điều kiện trước khi cấp đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

Trung tâm hỗ trợ đổi mới sáng tạo cũng là một loại hình tổ chức khoa học và công nghệ nên thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ cho trung tâm không khác gì với thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức khoa học và công nghệ (Thủ tục STT 24). Việc sinh ra một thủ tục cho trung tâm là không cần thiết.

7.2. Kiến nghị thực thi: Kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ bãi bỏ Thông tư số 16/2014/TT-BKHHCN ngày 13/6/2014.

8. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

8.1. Nội dung đơn giản hóa thủ tục:

- Cắt giảm bước: Lấy ý kiến của Bộ Khoa học và Công nghệ.
- Lý do:

Ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ không phải là hoạt động kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư nên không cần có khâu thẩm định đáp ứng đủ điều kiện trước khi cấp đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

Cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ cũng là một loại hình tổ chức khoa học và công nghệ. Đây không phải là hoạt động kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư nên không cần có khâu thẩm định đáp ứng đủ điều kiện trước khi cấp đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

8.2. Kiến nghị thực thi: Kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ hủy bỏ Thông tư số 16/2014/TT-BKHHCN ngày 13/6/2014 quy định về điều kiện thành lập, hoạt động của tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ.

9. Thủ tục: Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ.

9.1. Nội dung đơn giản hóa thủ tục:

- Thời gian thực hiện: Giảm 3 ngày so với quy định
- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành là 10 ngày. Tuy nhiên, thực tế giải quyết hồ sơ cho thấy, có thể rút ngắn thời gian việc thẩm định hồ sơ xuống 7 ngày.

9.2. Kiến nghị thực thi:

9.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 38.527.610 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 28.638.170 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 9.889.440 đồng/năm

10. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.

10.1. Nội dung đơn giản hóa thủ tục:

- Thời gian thực hiện: Giảm 3 ngày so với quy định
- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành là 10 ngày. Cho đến nay, thủ tục này chưa có hồ sơ nào được gửi đến. Tuy nhiên, do có bản sao và việc thẩm định hồ sơ đơn giản nên có thể rút ngắn thời gian việc thẩm định hồ sơ xuống 7 ngày.

10.2. Kiến nghị thực thi:

10.3. Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 38.527.610 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 28.638.170 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 9.889.440 đồng/năm

V. Lĩnh vực Y tế

Nhóm thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực An toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế được rà soát, đánh giá có 21 thủ tục hành chính. Qua kết quả rà soát đã có 04 thủ tục hành chính có phương án đơn giản hóa, đạt tỷ lệ 19% thủ tục hành chính được rà soát. Nội dung cụ thể phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính như sau:

1. Thủ tục Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo nước khoáng thiên nhiên, nước uống đóng chai, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm (không bao gồm hình thức hội nghị, hội thảo, tổ chức sự kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế Hà Nội.

a) Nội dung đơn giản hóa

Thời hạn giải quyết: giảm từ 10 ngày xuống còn 07 ngày

Lý do: Xét thấy có thể thực hiện được.

b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi Khoản 3 Điều 20 Thông tư 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa của mỗi hồ sơ là: 13,530,260đ

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa của mỗi hồ sơ là: 12,523,100đ

- Chi phí tiết kiệm sau khi đơn giản hóa thủ tục hành chính: 1.007.160đ (6%)

2. Thủ tục Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo đối với hình thức quảng cáo thông qua hội nghị, hội thảo, sự kiện giới thiệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm quy định tại Khoản 3 Điều 1 Thông tư 09/2015/TT-BYT thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế Hà Nội.

a) Nội dung đơn giản hóa

Thời hạn giải quyết: giảm từ 10 ngày xuống còn 07 ngày

Lý do: Thực tế giải quyết thủ tục hành chính thấy có thể rút ngắn được.

b) Kiến nghị thực thi.

Sửa đổi Khoản 3 Điều 20 Thông tư 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 1.227.888.200đ

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 1.162.707.000đ

- Chi phí tiết kiệm sau khi đơn giản hóa thủ tục hành chính: 65.181.200 (5%)

3. Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo nước khoáng thiên nhiên, nước uống đóng chai, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế Hà Nội.

a) Nội dung đơn giản hóa

Thời hạn giải quyết: giảm từ 10 ngày xuống còn 07 ngày

Lý do: Xét thấy có thể thực hiện được.

b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi Khoản 3 Điều 21 Thông tư 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa của mỗi hồ sơ là: 3.686.500đ

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa của mỗi hồ sơ là: 2.678.500đ

- Chi phí tiết kiệm sau khi đơn giản hóa thủ tục hành chính của mỗi hồ sơ là: 1.008.000đ (27%)

4. Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo đối với hình thức quảng cáo thông qua hội nghị, hội thảo, sự kiện giới thiệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo thuộc thẩm quyền của Sở Y tế Hà Nội

a) Nội dung đơn giản hóa

Thời hạn giải quyết: giảm từ 10 ngày xuống còn 07 ngày

Lý do: Xét thấy có thể thực hiện được.

b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi Khoản 3 Điều 21 Thông tư 09/2015/TT-BYT ngày 25/5/2015 về xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đặc biệt thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ Y tế.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa của mỗi hồ sơ là: 3.686.500đ

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa của mỗi hồ sơ là: 2.678.500đ

- Chi phí tiết kiệm sau khi đơn giản hóa thủ tục hành chính của mỗi hồ sơ: 1.008.000đ (27%)

VI. Lĩnh vực quản lý các khu công nghiệp và Chế xuất

Nhóm thủ tục, quy định hành chính có liên quan lĩnh vực quản lý các khu công nghiệp và Chế xuất có 73 thủ tục hành chính thực hiện rà soát, đánh giá. Kết quả, đã đơn giản hóa 18 thủ tục thủ tục hành chính sau khi thực hiện rà soát, đánh giá chiếm tỷ lệ 24,6% tổng số thủ tục hành chính được rà soát, cụ thể như sau:

1. Lĩnh vực Công thương gồm 33 thủ tục hành chính đã được công bố chuẩn hóa và 01 thủ tục hành chính đang trình UBND Thành phố đề nghị công bố bổ sung vào bộ thủ tục hành chính, trong đó Ban Quản lý đang thực hiện 12 thủ tục cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa ưu đãi theo mức độ 3. 32 thủ tục hành chính còn lại được rà soát đánh giá và xây dựng Phương án đơn giản hóa, giảm thời gian thụ lý giải quyết đối với 6 thủ tục gồm:

Thủ tục: Cấp lại Giấy phép bán buôn, Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá cho doanh nghiệp trong khu công nghiệp

a) Nội dung đơn giản hóa thủ tục:

- Thời gian thực hiện: Giảm 03 ngày so với quy định
- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành là 15 ngày, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 03 ngày

b) Kiến nghị thực thi: Sửa Khoản 3 Điều 38 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 438.000 đồng
- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 372.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 66.000 đồng (01 lượt tuân thủ)
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%

Thủ tục: Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn, Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá cho doanh nghiệp trong khu công nghiệp

a) Nội dung đơn giản hóa thủ tục:

- Thời gian thực hiện: Giảm 03 ngày so với quy định
- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành là 15 ngày, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 03 ngày

b) Kiến nghị thực thi: Sửa Khoản 3 Điều 38 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 438.000 đồng
- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 372.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 66.000 đồng (01 lượt tuân thủ)
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%

Thủ tục: Cấp Giấy phép kinh doanh bán buôn sản phẩm rượu cho doanh nghiệp đặt trụ sở và có cơ sở kinh doanh tại khu công nghiệp

a) Nội dung đơn giản hóa thủ tục:

- Thời gian thực hiện: Giảm 03 ngày so với quy định
- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành là 15 ngày, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 03 ngày

b) Kiến nghị thực thi: Sửa Khoản 2 Điều 28 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ..

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 878.000 đồng
- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 812.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 66.000 đồng (01 lượt tuân thủ)
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%

Thủ tục: Cấp Giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu cho doanh nghiệp đặt trụ sở và có cơ sở kinh doanh tại khu công nghiệp

a) Nội dung đơn giản hóa thủ tục:

- Thời gian thực hiện: Giảm 03 ngày so với quy định
- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành là 15 ngày, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 03 ngày

b) Kiến nghị thực thi: Sửa Khoản 2 Điều 28 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 878.000 đồng
- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 812.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 66.000 đồng (01 lượt tuân thủ)
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%

Thủ tục: Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép kinh doanh bán buôn, bán lẻ sản phẩm rượu cho doanh nghiệp đặt trụ sở và có cơ sở kinh doanh tại khu công nghiệp

a) Nội dung đơn giản hóa thủ tục:

- Thời gian thực hiện: Giảm 03 ngày so với quy định
- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành là 10 ngày, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 03 ngày

b) Kiến nghị thực thi: Sửa Khoản 3 Điều 14 Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công thương.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:



- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 438.000 đồng
- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 372.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 66.000 đồng (01 lượt tuân thủ)
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%

Thủ tục: Cấp lại Giấy phép kinh doanh bán buôn, bán lẻ sản phẩm rượu cho doanh nghiệp đặt trụ sở và có cơ sở kinh doanh tại khu công nghiệp

a) Nội dung đơn giản hóa thủ tục:

- Thời gian thực hiện: Giảm 03 ngày so với quy định
- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành là 10 ngày, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 03 ngày

b) Kiến nghị thực thi: Sửa Khoản 3 Điều 14 Thông tư số 60/2014/TT-BCT ngày 27/12/2014 của Bộ Công thương.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 438.000 đồng
- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 372.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 66.000 đồng (01 lượt tuân thủ)
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%

2. Lĩnh vực Tài nguyên Môi trường gồm 04 thủ tục hành chính đã được công bố chuẩn hóa được rà soát đánh giá và xây dựng Phương án đơn giản hóa, giảm thời gian thụ lý giải quyết đối với 04 thủ tục gồm:

Thủ tục: Xác nhận, xác nhận lại đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường cấp Thành phố:

a) Nội dung đơn giản hoá thủ tục:

- Thời gian thực hiện: Giảm 03 ngày làm việc so với quy định.
- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành là 10 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 03 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi bổ sung Luật Môi trường và các Nghị định, Thông tư liên quan.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hoá:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hoá: 5.000.000 đồng
- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hoá: 4.400.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 600.000 đồng (01 lượt tuân thủ)
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12%.

Tổng số chi phí tiết kiệm trong năm 30 (HS)*600.000= 18.000.000 đồng

Thủ tục: Lập và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản cấp Thành phố

a) Nội dung đơn giản hoá thủ tục:

- Thời gian thực hiện: Giảm 03 ngày làm việc so với quy định.
- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành là 10 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 03 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi bổ sung Luật Môi trường và các Nghị định, Thông tư liên quan.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hoá:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hoá: 5.000.000 đồng
- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hoá: 4.400.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 600.000 đồng (01 lượt tuân thủ)
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12%.

Tổng số chi phí tiết kiệm trong năm 4 (HS)*600.000= 2.400.000 đồng

Thủ tục: Lập và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản cấp Quận, Huyện

a) Nội dung đơn giản hoá thủ tục:

- Thời gian thực hiện: Giảm 03 ngày làm việc so với quy định.
- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành là 10 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 03 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi bổ sung Luật Môi trường và các Nghị định, Thông tư liên quan.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hoá:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hoá: 5.000.000 đồng
- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hoá: 4.400.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 600.000 đồng (01 lượt tuân thủ)
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12%.

Thủ tục: Xác nhận, xác nhận lại đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường cấp Quận, Huyện

a) Nội dung đơn giản hoá thủ tục:

- Thời gian thực hiện: Giảm 03 ngày làm việc so với quy định.



- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành là 10 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 03 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi bổ sung Luật Môi trường và các Nghị định, Thông tư liên quan là giao trực tiếp cho Ban Quản lý thay vì hiện tại là uỷ quyền.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hoá:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hoá: 5.000.000 đồng

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hoá: 4.400.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 600.000 đồng (01 lượt tuân thủ)

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12%.

Tổng số chi phí tiết kiệm trong năm 30 (HS)*600.000= 18.000.000 đồng

3. Lĩnh vực Xây dựng, Quy hoạch kiến trúc gồm 10 thủ tục hành chính đã được công bố chuẩn hóa được rà soát đánh giá và xây dựng Phương án đơn giản hóa, giảm thời gian thụ lý giải quyết đối với 02 thủ tục gồm

Thủ tục: Chấp thuận Quy hoạch Tổng mặt bằng 1/500

a) Nội dung đơn giản hoá thủ tục:

- Thời gian thực hiện: Giảm 02 ngày làm việc so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành là 12 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 02 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi: Không

c) Lợi ích của phương án đơn giản hoá:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hoá: 778.000 đồng

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hoá: 684.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 94.000 đồng (01 lượt tuân thủ)

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12%.

Tổng số chi phí tiết kiệm trong năm 66 (HS)*94.000= 6.204.000 đồng

Thủ tục: Điều chỉnh Giấy phép xây dựng

a) Nội dung đơn giản hoá thủ tục:

- Thời gian thực hiện: Giảm 10 ngày làm việc so với quy định.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành là 20 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 10 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi: Không

c) Lợi ích của phương án đơn giản hoá:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hoá: 2.408.000 đồng
- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hoá: 2.167.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 240.000 đồng (01 lượt tuân thủ)
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10%.

Tổng số chi phí tiết kiệm trong năm 03 (HS)*240.000= 720.000 đồng

4. Lĩnh vực Kế hoạch Đầu tư gồm 24 thủ tục hành chính đã được công bố chuẩn hóa được rà soát đánh giá và xây dựng Phương án đơn giản hóa, giảm thời gian thụ lý giải quyết đối với 05 thủ tục gồm:

Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mới đối với dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư

a) Nội dung đơn giản hoá thủ tục:

- Thời gian thực hiện: Giảm 05 ngày làm việc so với quy định.
- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành là 15 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 05 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Khoản 3, Điều 29 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ

c) Lợi ích của phương án đơn giản hoá:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hoá: 768.000 đồng.
- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hoá: 512.000 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 256.000 đồng (01 lượt tuân thủ)
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33%.

Tổng số chi phí tiết kiệm trong năm 15 (HS)*256.000= 3.840.000 đồng

Thủ tục: Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy phép đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư

a) Nội dung đơn giản hoá thủ tục:

- Thời gian thực hiện: Giảm 03 ngày làm việc so với quy định.
- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành là 10 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 03 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Khoản 3, Điều 33 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ

c) Lợi ích của phương án đơn giản hoá:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hoá: 768.000 đồng.
- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hoá: 537.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 230.400 đồng (01 lượt tuân thủ)
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

Tổng số chi phí tiết kiệm trong năm 105 (HS)*230.000= 24.192.000 đồng

Thủ tục: Điều chỉnh Dự án đầu tư theo quyết định, bản án của tòa án, trọng tài

a) Nội dung đơn giản hoá thủ tục:

- Thời gian thực hiện: Giảm 05 ngày làm việc so với quy định.
- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành là 15 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 05 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Khoản 2, Điều 39 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ

c) Lợi ích của phương án đơn giản hoá:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hoá: 768.000 đồng.
- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hoá: 512.000 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 256.000 đồng (01 lượt tuân thủ)
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33%.

Thủ tục: Nộp cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

a) Nội dung đơn giản hoá thủ tục:

- Thời gian thực hiện: Giảm 1,5 ngày làm việc so với quy định đối với trường hợp bị mất, bị hỏng Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Giảm 01 ngày làm việc đối với trường hợp so với quy định đối với trường hợp thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư không đúng với thông tin hồ sơ đăng ký đầu tư.

- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành là 05 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 1,5 ngày làm việc so với quy định đối với trường hợp bị mất, bị hỏng Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Thời gian theo quy định hiện hành là 03 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 01 ngày làm việc đối với trường hợp so với quy định đối với trường hợp thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư không đúng với thông tin hồ sơ đăng ký đầu tư

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Khoản 1, Khoản 2 Điều 40 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ

c) Lợi ích của phương án đơn giản hoá:

- + Đối với trường hợp bị mất, bị hỏng Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hoá: 350.000 đồng.
- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hoá: 245.000 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 105.000 đồng (01 lượt tuân thủ)
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

+ Đối với trường hợp thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư không đúng với thông tin hồ sơ đăng ký đầu tư

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hoá: 350.000 đồng.
- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hoá: 233.400 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 116.600 đồng (01 lượt tuân thủ)
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33%.

Tổng số chi phí tiết kiệm trong năm 15 (HS)*116.600= 1.749.000 đồng

Thủ tục: Giảm tiến độ dự án đầu tư

a) Nội dung đơn giản hoá thủ tục:

- Thời gian thực hiện: Giảm 05 ngày làm việc so với quy định.
- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành là 15 ngày làm việc, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 05 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Khoản 4, Điều Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014

c) Lợi ích của phương án đơn giản hoá:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hoá: 768.000 đồng.
- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hoá: 512.000 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 256.000 đồng (01 lượt tuân thủ)
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33%.

Tổng số chi phí tiết kiệm trong năm 3 (HS)*256.000= 768.000 đồng

5. Lĩnh vực Lao động gồm 02 thủ tục hành chính đã được công bố chuẩn hóa được rà soát đánh giá và xây dựng Phương án đơn giản hóa, giảm thời gian thụ lý giải quyết đối với 01 thủ tục

Thủ tục: đăng ký kế hoạch đưa người lao động đi thực tập ở nước ngoài dưới 90 ngày.

a) Nội dung đơn giản hóa thủ tục:

- Thời gian thực hiện: Giảm 03 ngày so với quy định
- Lý do: Thời gian theo quy định hiện hành là 10 ngày, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được 03 ngày.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa Khoản 20 Điều 36 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài số 72/2006/QH11 ngày 29/11/2006

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 438.000 đồng
- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 372.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 66.000 đồng (01 lượt tuân thủ)
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%

Tổng chi phí tiết kiệm sau rà soát 18 thủ tục hành chính: 73.973.000 đồng

VII. Lĩnh vực Lao động-Thương binh và Xã hội

Nhóm thủ tục, quy định hành chính có liên quan lĩnh vực Bảo trợ xã hội; Chính sách người có công và các thủ tục hành chính liên thông (liên thông giữa các cấp chính quyền và các đơn vị liên quan) thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội có 58 thủ tục được rà soát, đánh giá. Kết quả, đã đơn giản hóa 12 thủ tục thủ tục hành chính sau khi thực hiện rà soát, đánh giá chiếm tỷ lệ trên 20,6% tổng số thủ tục hành chính được rà soát, cụ thể như sau:

1. Lĩnh vực bảo trợ xã hội

1.1. Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội

a) Nội dung đơn giản hóa

- Thời gian thực hiện: giảm 01 ngày so với quy định

Lý do: thời gian theo quy định hiện hành là 15 ngày, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Khoản 1, Điều 30 Nghị định 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 1.272.900 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 1.188.140 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 84.860 đồng/năm

Chi phí tiết kiệm khi rút ngắn thời gian:

(1.272.900 đ : 15 ngày theo quy định) x 1 ngày = 84.860 đồng/năm

- Lợi nhuận mang lại cho tổ chức, cá nhân khi rút ngắn thời gian:

$2.000.000 \text{ đ/ngày} \times 1 \text{ ngày} \times 3 \text{ lượt/năm} = 6.000.000 \text{ đồng/năm}$

- **Lợi ích sau khi đơn giản hóa** : 6.084.860 đồng/năm

1.2. Thủ tục Cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội

a) Nội dung đơn giản hóa:

Thời gian thực hiện: giảm 01 ngày so với quy định

Lý do: thời gian theo quy định hiện hành là 15 ngày, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Khoản 1, Điều 30 Nghị định 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở trợ giúp xã hội.

) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.130.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.054.700 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 75.300 đồng/năm

Chi phí tiết kiệm khi rút ngắn thời gian:

$(1.130.000 \text{ đ} : 15 \text{ ngày theo quy định}) \times 1 \text{ ngày} = 75.300 \text{ đồng/năm}$

- Lợi nhuận mang lại cho tổ chức khi rút ngắn thời gian:

$2.000.000 \text{ đ/ngày} \times 1 \text{ ngày} \times 3 \text{ lượt/năm} = 6.000.000 \text{ đồng/năm}$

- **Lợi ích sau khi đơn giản hóa** : 6.075.300 đồng/năm

2. Lĩnh vực người có công

2.1. Thủ tục Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng

a) Nội dung đơn giản hóa

- Thời gian thực hiện: giảm 01 ngày so với quy định

Lý do: thời gian thực hiện tại Sở Lao động TBXH theo quy định hiện hành là 10 ngày, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 89.528.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 80.575.200 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 8.952.800 đồng/năm

Chi phí tiết kiệm khi rút ngắn thời gian:

$(89.528.000đ : 10 \text{ ngày theo quy định}) \times 1 \text{ ngày} = 8.952.800 \text{ đồng/năm}$

- Lợi ích sau khi đơn giản hóa : 8.952.800 đồng/năm

2.2. Thủ tục Thủ tục Đổi hoặc cấp lại Bằng Tổ quốc ghi công

a) Nội dung đơn giản hóa

- Thời gian thực hiện: giảm 02 ngày so với quy định.

Lý do: thời gian thực hiện tại Sở Lao động TBXH theo quy định hiện hành là 30 ngày, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Khoản 4 Điều 51 Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 166.320.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 155.232.000 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 11.088.000 đồng/năm

Chi phí tiết kiệm khi rút ngắn thời gian:

$(166.320.000 đ : 30 \text{ ngày theo quy định}) \times 2 \text{ ngày} = 11.088.000 \text{ đồng/năm}$

- Lợi ích sau khi đơn giản hóa : 11.088.000 đồng/năm.

2.3. Thủ tục Đính chính thông tin trên bia mộ liệt sĩ

a) Nội dung đơn giản hóa

- Thời gian thực hiện: giảm 02 ngày so với quy định

Lý do: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi quản lý mộ liệt sĩ trong thời gian 20 ngày kể từ ngày nhận được kết quả kiểm tra thông tin về liệt sĩ, có trách nhiệm chỉnh sửa thông tin trên bia mộ liệt sĩ, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BLĐTBXH – BTC ngày 03/6/2014 của liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ điều dưỡng phục hồi sức khỏe, cấp phương tiện trợ giúp, dụng

cụ chỉnh hình đối với người có công với cách mạng và thân nhân; quản lý các công trình ghi công liệt sĩ.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 20.790.000 đồng
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 18.711.000 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 2.079.000 đồng/năm

Chi phí tiết kiệm khi rút ngắn thời gian:

$(20.790.000 \text{ đ} : 20 \text{ ngày theo quy định}) \times 2 \text{ ngày} = 2.079.000 \text{ đồng/năm}$

- Lợi ích sau khi đơn giản hóa: 2.079.000 đồng/năm

2.4. Thủ tục Giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là người hưởng chế độ mất sức lao động

a) Nội dung đơn giản hóa

- Thời gian thực hiện: giảm 02 ngày so với quy định

Lý do: thời gian thực hiện tại Sở Lao động TBXH theo quy định hiện hành là 15 ngày, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 5.628.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 4.877.600 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 750.400 đồng/năm

Chi phí tiết kiệm khi rút ngắn thời gian:

$(5.628.000 \text{ đ} : 15 \text{ ngày theo quy định}) \times 2 \text{ ngày} = 750.400 \text{ đồng/năm}$

- Lợi ích sau khi đơn giản hóa: 750.400 đồng/năm

2.5. Thủ tục Giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là bệnh binh

a) Nội dung đơn giản hóa

- Thời gian thực hiện: giảm 02 ngày so với quy định

Lý do: thời gian thực hiện tại Sở Lao động TBXH theo quy định hiện hành là 15 ngày, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được.

b) Kiến nghị thực thi:



Sửa đổi Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 7.098.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 6.151.600 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 946.400 đồng/năm

Chi phí tiết kiệm khi rút ngắn thời gian:

$(7.098.000 \text{ đ} : 15 \text{ ngày theo quy định}) \times 2 \text{ ngày} = 946.400 \text{ đồng/năm}$

- Lợi ích sau khi đơn giản hóa : 946.400 đồng/năm.

2.6. Thủ tục Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng

a) Nội dung đơn giản hóa

- Thời gian thực hiện: giảm 01 ngày so với quy định

Lý do: thời gian thực hiện tại Sở Lao động TBXH theo quy định hiện hành là 10 ngày, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 22.224.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 20.001.600 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 2.222.400 đồng/năm

Chi phí tiết kiệm khi rút ngắn thời gian:

$(22.224.000 : 10 \text{ ngày theo quy định}) \times 1 \text{ ngày} = 2.222.400 \text{ đồng/năm}$

- Lợi ích sau khi đơn giản hóa : 2.222.400 đồng/năm.

2.7. Thủ tục giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế

a) Nội dung đơn giản hóa

- Thời gian thực hiện: giảm 01 ngày so với quy định

Lý do: thời gian thực hiện tại Sở Lao động TBXH theo quy định hiện hành là 10 ngày, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 45.210.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 40.689.000 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 4.521.000 đồng/năm

Chi phí tiết kiệm khi rút ngắn thời gian:

$(45.210.000 : 10 \text{ ngày theo quy định}) \times 1 \text{ ngày} = 4.521.000 \text{ đồng/năm}$

- Lợi ích sau khi đơn giản hóa : 4.521.000 đồng/năm.

2.8. Thủ tục Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết

a) Nội dung đơn giản hóa

- Thời gian thực hiện: giảm 01 ngày so với quy định

Lý do: thời gian thực hiện tại Sở Lao động TBXH theo quy định hiện hành là 10 ngày, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Thông tư 16/2014/TT-BLĐTBXH ngày 30/7/2014 của Bộ Lao động TBXH hướng dẫn một số nội dung xác nhận và thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 51.020.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 45.918.000 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 5.102.000 đồng/năm

Chi phí tiết kiệm khi rút ngắn thời gian:

$(51.020.000 : 10 \text{ ngày theo quy định}) \times 1 \text{ ngày} = 5.102.000 \text{ đồng/năm}$

- Lợi ích sau khi đơn giản hóa : 5.102.000 đồng/năm.

2.9. Thủ tục Hưởng lại chế độ ưu đãi đối với người có công hoặc thân nhân bị tạm đình chỉ chế độ ưu đãi

a) Nội dung đơn giản hóa

- Thời gian thực hiện: giảm 01 ngày so với quy định

Lý do: thời gian thực hiện tại Sở Lao động TBXH theo quy định hiện hành là 10 ngày, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được.



b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.646.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.481.400 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 164.600 đồng/năm Chi phí tiết kiệm khi rút ngắn thời gian:

$(51.020.000 : 10 \text{ ngày theo quy định}) \times 1 \text{ ngày} = 164.600 \text{ đồng/năm}$

- Lợi ích sau khi đơn giản hóa : 164.600 đồng/năm.

2.10. Thủ tục sửa đổi thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công

a) Nội dung đơn giản hóa

- Thời gian thực hiện: giảm 02 ngày so với quy định

Lý do: thời gian thực hiện tại Sở Lao động TBXH theo quy định hiện hành là 20 ngày, thực tế giải quyết thấy có thể rút ngắn được.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn về thủ tục lập hồ sơ, quản lý hồ sơ, thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 36.040.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 32.436.000 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 3.604.000 đồng/năm

Chi phí tiết kiệm khi rút ngắn thời gian: 3.604.000

$(36.040.000 : 20 \text{ ngày theo quy định}) \times 2 \text{ ngày} = 3.604.000 \text{ đồng/năm}$

- Lợi ích sau khi đơn giản hóa : 3.604.000 đồng/năm./.